

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 257/2019/DS-PT

Ngày: 20 - 8 - 2019

V/v tranh chấp về hợp đồng
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng.

Các Thẩm phán: Ông Đinh Chí Tâm.

Bà Nguyễn Thị Vĩnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Linh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Ông Nguyễn Tấn Tài - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 13, 20 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 275/2019/TLPT-DS ngày 21 tháng 5 năm 2019 về tranh chấp về hợp đồng vay tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 09/2019/DS-ST ngày 25 tháng 3 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 274/2019/QĐ-PT ngày 27 tháng 6 năm 2019, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 233/2019/QĐPT-DS ngày 23 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Võ Thị Bích A, sinh năm 1984; địa chỉ: Số x, ấp N, xã T, huyện T, tỉnh Đ; có mặt.

Bị đơn: Anh Phạm Quốc T (thường gọi là C), sinh năm 1989; địa chỉ: Ấp N, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp; có mặt.

Người làm chứng: Bà Trần Thị T, sinh năm 1966; địa chỉ: Ấp N, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Võ Thị Bích A trình bày: Vào ngày 03/6/2016, anh T có vay của chị A số tiền 50.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 3%/tháng, anh T vay tiền để mua lúa và hẹn 3- 4 ngày sẽ trả lại vốn vay, việc anh T nhận vốn vay có viết biên nhận nợ

cho chị A. Sau khi vay tiền đến nay anh T không trả vốn vay và lãi như thỏa thuận, nhưng bà Trần Thị T (là mẹ ruột của anh T) có trả lãi thay cho anh T được 02 tháng với số tiền là 3.000.000 đồng. Nên chị A yêu cầu anh T có nghĩa vụ hoàn trả nợ gốc là 50.000.000 đồng và tiền lãi trên nợ gốc 50.000.000 đồng theo lãi suất là 1%/tháng, thời gian tính lãi tính từ ngày 03/7/2016 cho đến khi xét xử, thống nhất khấu trừ số tiền lãi 3.000.000 đồng mà chị A đã nhận.

Bị đơn anh Phạm Quốc T trình bày: Vào ngày 03/6/2016 anh T có vay của chị A số tiền 50.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 3%/tháng, việc vay tiền có làm biên nhận, chữ ký tên và chữ viết họ tên theo biên nhận ngày 03/6/2016 của chị A cung cấp là của anh T, anh T vay tiền để làm vốn mua bán và thời hạn trả nợ gốc trong vòng 1,5 tháng. Sau khi đi mua lúa về xay xát xong, bán là trả tiền lại cho chị A nợ gốc và tiền lãi xong, trả một lần. Do quen biết nên khi anh T trả tiền không yêu cầu chị A làm biên nhận nhận tiền và cũng không có nhận lại biên nhận vay tiền của chị A. Khi đưa tiền cho chị A, anh T không nhớ ở đâu và cũng không có ai chứng kiến, anh T có nói với chị A về việc hủy giấy biên nhận, chị A có hứa nên anh T tin tưởng là chị A sẽ hủy biên nhận vay tiền. Khoảng tháng 11/2018 chị A nhiều lần gặp anh T yêu cầu trả số tiền trên, anh T không thống nhất vì đã trả xong số tiền nợ trên cho chị A. Tại phiên tòa sơ thẩm, anh T cho rằng tại biên bản hòa giải ngày 25/02/2019 anh T có thống nhất trả cho chị A 40.000.000 đồng vì lúc đó anh T đang đi làm có tiền, sợ mất thời gian tới lui, hiện nay anh T đã nghỉ làm nên không có tiền để trả cho chị A. Nay anh T không đồng ý hoàn trả nợ gốc 50.000.000 đồng và tiền lãi trên nợ gốc 50.000.000 đồng theo lãi suất là 1%/tháng, thời gian tính lãi tính từ ngày 03/7/2016 cho đến khi xét xử theo yêu cầu của chị A. Đối với số tiền 3.000.000 đồng chị A thừa nhận có nhận của mẹ anh T, anh T không yêu cầu khấu trừ số tiền lãi này.

Người làm chứng Trần Thị T trình bày: Bà T là mẹ ruột của anh T, giữa bà T và chị A có quen biết do cùng đi mua bán lúa gạo với nhau. Trước đây bà T có vay tiền của chị A nhiều lần và đã trả xong. Bà T có biết việc anh T vay của chị A số tiền 50.000.000 đồng, nhưng anh T đã trả xong nợ gốc và tiền lãi cho chị A, khi trả tiền anh T không có lấy biên nhận nợ và có nói chị A xé biên nhận nhưng chị A không xé mà lấy biên nhận đi kiện anh T. Từ trước đến nay bà T không đóng tiền lãi cho chị A thay anh T, nên bà không có ý kiến hay yêu cầu gì trong vụ án này.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 09/2019/DS-ST ngày 25/3/2019 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Tháp đã tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị Bích A đối với anh Phạm Quốc T.

Buộc anh Phạm Quốc T có trách nhiệm cá nhân trả lại cho chị Võ Thị Bích A số tiền vay nợ gốc 50.000.000 đồng và tiền lãi là 13.330.000 đồng, tổng cộng là 63.330.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải

thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí: Anh Phạm Quốc T phải chịu 3.166.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Võ Thị Bích A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.250.000 đồng theo biên lai số BH/2017/0004570 ngày 18/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền và thời hạn kháng cáo của đương sự, quyền và nghĩa vụ của người được thi hành án, người phải thi hành án, thời hiệu thi hành án theo quy định của pháp luật.

Ngày 08/4/2019 anh Phạm Quốc T kháng cáo toàn bộ quyết định của bản án sơ thẩm. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét đoạn ghi âm cuộc nói chuyện giữa mẹ anh T với vợ chồng chị A, anh N; thực tế anh T đã trả xong nợ gốc và tiền lãi, nên anh T không đồng ý trả cho chị A tổng cộng 63.330.000 đồng theo bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn Võ Thị Bích A giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn Phạm Quốc T thay đổi một phần yêu cầu kháng cáo, anh T không đồng ý hoàn trả nợ gốc và tiền lãi với số tiền 63.330.000 đồng theo yêu cầu của chị A. Bởi vì sau khi vay tiền, mỗi tháng anh T có trả tiền lãi cho chị A 1.500.000 đồng và trả tiền lãi khoảng 01 năm với số tiền 18.000.000 đồng, đồng thời anh T có trả cho chị A tiền gốc và tiền lãi với số tiền tổng cộng là 30.000.000 đồng, anh T không trực tiếp trả nợ gốc và tiền lãi cho chị A mà gửi tiền cho mẹ anh T là bà Trần Thị T trả cho chị A, việc anh T trả nợ gốc và tiền lãi cho chị A không làm biên nhận, không ai thấy ai biết và anh T cũng không có chứng cứ chứng minh. Nên nay anh T đồng ý hoàn trả cho chị A nợ gốc là 20.000.000 đồng, anh T không đồng ý hoàn trả tiền lãi vì sau khi vay tiền khoảng 01 năm, do anh T không khả năng trả lãi tiếp nên anh T có xin chị A tiền lãi thì được chị A đồng ý. Anh T không yêu cầu trưng cầu giám định đoạn ghi âm cuộc nói chuyện giữa mẹ anh T với vợ chồng chị A, anh N được sao chép sang USB mà anh T đã giao nộp cho Tòa án. Tại phiên tòa phúc thẩm, anh T trình bày ngày tháng năm anh T vay 50.000.000 đồng của chị A là ngày 03/6/2015, biên nhận nợ mà chị A cung cấp đã sửa chữa năm 2016, nhưng anh T chỉ trình bày để Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét, mà không yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định chữ số 2016 trong biên nhận nợ đang tranh chấp.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp về giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm: Thẩm phán thụ lý vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký, các đương sự trong thời hạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa phúc thẩm đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Thủ tục kháng cáo của anh Phạm Quốc T là hợp lệ.

Xét kháng cáo của anh T: Việc chị A khởi kiện anh T hoàn trả nợ gốc 50.000.000 đồng và lãi suất 1%/tháng tính từ ngày 03/7/2016 đến ngày xét xử, trừ vào khoản tiền lãi 3.000.000 đồng mà chị A đã nhận là có cơ sở. Vì căn cứ vào biên nhận ngày 03/6/2016 thì việc anh T có vay 50.000.000 đồng của chị A với lãi suất 3%/tháng, anh T có viết chữ số 50.000.000 đồng và ký tên, viết họ tên anh T là thật. Tuy nhiên, anh T trình bày sau khi vay tiền đã trả vốn vay 30.000.000 đồng và trả lãi được 18.000.000 đồng nhưng không cung cấp chứng cứ chứng minh. Đồng thời tại Tòa án cấp sơ thẩm, anh T thống nhất trả cho chị A số tiền 40.000.000 đồng và không trả lãi do trả rồi nhưng không lấy biên nhận nợ nên xin trả một phần tiền vì còn phải đi làm ăn mất thời gian tới lui. Việc bà T, mẹ anh T cho rằng đã trả xong nợ gốc 50.000.000 đồng cho chị A thay anh T nhưng không lấy lại biên nhận, bà T không có chứng cứ chứng minh và lời trình bày của bà T không khách quan, mâu thuẫn với lời trình bày của anh T. Nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc anh T trả cho chị A nợ gốc 50.000.000 đồng và tiền lãi 13.330.000 đồng là có căn cứ. Xét đoạn ghi âm cũng không thể hiện nội dung như anh T trình bày, anh T không yêu cầu trưng cầu giám định đoạn ghi âm cuộc nói chuyện giữa mẹ anh T và vợ chồng chị A, anh N nên chứng cứ mà anh T cung cấp chưa đủ cơ sở để xem xét.

Từ những phân tích trên, căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của anh Phạm Quốc T, giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 09/2019/DS-ST ngày 25/3/2019 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Đơn kháng cáo của bị đơn Phạm Quốc T nộp trong thời hạn và đúng thủ tục theo quy định của pháp luật nên hợp lệ.

Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, đầy đủ thành phần những người tham gia tố tụng, thụ lý và giải quyết đúng thẩm quyền và thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Xét kháng cáo của anh Phạm Quốc T, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ chấp nhận, bởi vì:

Anh T thừa nhận chữ số, chữ viết bằng mực bút bi màu xanh trong biên nhận ngày 03/6/2016 mà chị Võ Thị Bích A đã cung cấp cho Tòa án cấp sơ thẩm là do anh T viết, ký tên, viết họ tên anh T và ngày 03/6/2016 anh T có nhận của chị A vốn vay 50.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 3%/tháng, thời hạn vay vài ngày trả.

Do anh T vi phạm nghĩa vụ trả tiền, nên chị A yêu cầu anh T có nghĩa vụ hoàn trả nợ gốc là 50.000.000 đồng và tiền lãi phải hoàn trả là 13.330.000 đồng.

Mặc dù tại phiên tòa phúc thẩm, anh T trình bày là anh T vay tiền của chị A

vào ngày 03/6/2015 chứ không phải vào ngày 03/6/2016 như bản án sơ thẩm đã xét xử, nhưng anh T không yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định chữ số 2016 trong biên nhận nợ ngày 03/6/2016 đang tranh chấp và không cung cấp chứng cứ để chứng minh, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét lời trình bày này của anh T. Mà xác định, thời gian chị A cho anh T vay 50.000.000 đồng là vào ngày 03/6/2016 như bản án sơ thẩm đã xét xử là có cơ sở.

Tại Tòa án cấp sơ thẩm, anh T cho rằng sau khi vay tiền của chị A, anh T đã trả xong nợ gốc cho chị A. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm anh T trình bày mỗi tháng anh T gửi tiền cho mẹ anh T là bà Trần Thị T để bà T trả nợ gốc cho chị A dù anh T và đã trả được 30.000.000 đồng, hiện còn nợ 20.000.000 đồng, việc bà T trả nợ gốc cho chị A không làm biên nhận, giấy tờ và đồng ý hoàn trả cho chị A nợ gốc 20.000.000 đồng. Bà T cho rằng anh T đã xong nợ gốc cho chị A. Tuy nhiên anh T và bà T chỉ trình bày mà không cung cấp chứng cứ chứng minh, trong khi đó lời trình bày của anh T và bà T không được chị A thừa nhận. Nên lời trình bày của anh T, bà T không có cơ sở chấp nhận.

Hợp đồng vay mà các bên giao kết có thỏa thuận lãi suất, vì vậy việc chị A yêu cầu anh T hoàn trả tiền lãi là có căn cứ. Biên nhận nợ ngày 03/6/2016 không ghi nhận thời hạn trả nợ gốc, nhưng chị A cho rằng khi vay tiền anh T hẹn 3 - 4 ngày trả nợ gốc, tại phiên tòa phúc thẩm anh T cho rằng khi vay tiền anh T có hứa 1,5 tháng (một tháng rưỡi) sẽ trả nợ gốc cho chị A. Nên áp dụng lãi suất đối với hợp đồng vay có lãi và có kỳ hạn là phù hợp. Do lãi suất mà các bên thỏa thuận là 3%/tháng cao hơn quy định của pháp luật, tuy nhiên trong quá trình Tòa án xét xử chị A yêu cầu anh T phải trả lãi trên nợ gốc 50.000.000 đồng và lãi nợ quá hạn theo lãi suất 1%/tháng, thời gian tính lãi tính từ ngày 03/7/2016 đến khi xét xử là 16.330.000 đồng, khấu trừ số tiền lãi 3.000.000 đồng mà chị A đã nhận, do vậy số tiền lãi mà anh T phải hoàn trả là 13.330.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

Việc anh T không đồng ý trả tiền lãi, lý do sau khi vay tiền khoảng 01 năm anh T gặp khó khăn, có xin chị A hoàn trả dần vốn vay và xin tiền lãi, đã được chị A đồng ý. Tại phiên tòa phúc thẩm, chị A trình bày là sau khi đóng lãi được hai tháng, anh T cho rằng không có khả năng trả lãi và xin chị A được trả dần nợ gốc, xin tiền lãi thì chị A đồng ý với điều kiện anh T sớm trả xong nợ gốc 50.000.000 đồng, trường hợp anh T không trả xong nợ gốc trong thời hạn 01 đến 02 tháng thì chị A không đồng ý cho tiền lãi, nhưng sau đó anh T không thực hiện trả nợ gốc anh T phải trả lãi trên nợ gốc 50.000.000 đồng và lãi nợ quá hạn cho chị A như đã yêu cầu trên. Do từ khi thỏa thuận đến nay, anh T không có căn cứ chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc 50.000.000 đồng cho chị A, vì vậy cần buộc anh T phải trả lãi số tiền 13.330.000 đồng cho chị A hư đã phân tích trên là phù hợp.

Từ những nhận định trên, việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị Bích A, buộc anh T có nghĩa vụ hoàn trả cho chị A nợ gốc 50.000.000 đồng và tiền lãi 13.330.000 đồng là phù hợp, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của anh T, giữ nguyên bản án sơ thẩm số:

09/2019/DS-ST ngày 25/3/2019 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Nhưng Hội đồng xét xử phúc thẩm có điều chỉnh về cách tuyên xử trong bản án phúc thẩm cho phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Chị A và anh T không yêu cầu gì đối với bà Trần Thị T nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

[4] Do anh T không yêu cầu trưng cầu giám định đoạn ghi âm cuộc nói chuyện giữa mẹ anh T với vợ chồng chị A, anh N được sao chép sang USB mà anh T đã giao nộp cho Tòa án cấp phúc thẩm và không yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định chữ số 2016 trong biên nhận nợ đang tranh chấp giữa chị A và anh T, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp là phù hợp như đã phân tích trên nên được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[6] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

[7] Do Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm bị kháng cáo, nên anh T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471, 474, 476 Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của anh Phạm Quốc T.
2. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 09/2019/DS-ST ngày 25/3/2019 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Tháp.
 - 2.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị Bích A đối với anh Phạm Quốc T.

Buộc anh Phạm Quốc T có nghĩa vụ hoàn trả cho chị Võ Thị Bích A nợ gốc 50.000.000 đồng và tiền lãi 13.330.000 đồng, tổng cộng là 63.330.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí sơ thẩm:

- Anh Phạm Quốc T phải chịu 3.166.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Chị Võ Thị Bích A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; chị A được nhận lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.250.000 đồng theo biên lai số BH/2017- 0004570 ngày 18/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

3. Về án phí phúc thẩm: Anh Phạm Quốc T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm; nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số BH/2017/0009337 ngày 09/4/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Phòng GDKTNV-THA;
- VKSND Tỉnh;
- TAND huyện T;
- CCTHADS huyện T;
- Lưu: VT, HS (Linh)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nguyễn Thị Thúy Hằng